

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HS-PT

Ngày: 12-7-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Văn Chấn.

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Phạm Tấn Tài;
2. Ông Hoàng Ngọc Linh.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Chu Xuân Tùng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**

Ông Đinh Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 84/2021/TLPT-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Lê Thành N do có kháng cáo của bị cáo N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh Th đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2021/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2021/QĐXXPT-HS ngày 28/6/2021.

Bị cáo kháng cáo:

**Lê Thành N**, sinh ngày 12/6/2000; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Nơi cư trú: ấp PA, xã PV, thị xã TC, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; Cha: Lê Minh Th, sinh năm 1975; Mẹ: Trần Thị K, sinh năm 1977;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/11/2020 cho đến nay;

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Minh Th, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Ấp PA, xã PV, thị xã TC, tỉnh An Giang. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Ngô Minh L và Trần Bảo D có mâu thuẫn với nhau trong chuyện tình cảm nam nữ, nên khoảng 18 giờ ngày 03/9/2020, L gọi điện cho D hẹn gặp nhau để nói chuyện, nhưng D không đồng ý và không nghe điện thoại, nhưng L vẫn tiếp tục gọi điện cho D. Lúc này, D và Lai Nhựt H đang ở nhà của Huỳnh Phước T thuộc ấp PA, xã PV, thị xã TC, tỉnh An Giang nghe chuông điện thoại của D reo, T lấy điện thoại nói chuyện với L. Trong lúc nói chuyện qua lại, giữa T và L xảy ra mâu thuẫn nên T và L thách thức về việc đánh nhau, L hẹn T lên nhà L, T đồng ý. Sau đó, T gọi điện cho Võ Văn T1, Lê Thành N, Nguyễn Hữu H1 và kêu H1 rủ Trương Huỳnh K (Long Gấu) đem theo hung khí để đi đánh nhau với L. T1, N, H1 và K đồng ý. T đưa xe mô tô, biển kiểm soát 67F6-1987 (xe của gia đình) cho D điều khiển đi đến nhà T1, để chở T1 vào nhà T. Tại đây, T1 kêu T rủ thêm Phạm Văn Y, nên T gọi điện cho Y, kêu Y đem theo cây kiếm nhật để đi đánh nhau với L, Y đồng ý. Sau đó, Y kêu Nguyễn Vĩ K1 chở Y vào nhà T. Trong lúc K1 đang đứng chờ Y, K1 thấy Trần Quang V đang điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Bảo N2 chạy ngang, K1 kêu Quang V, N2 dừng lại và nói cho Quang V, N2 biết việc đi đánh nhau. Lúc này, Y cầm cây kiếm nhật đi đến rồi cùng với Quang V và N2 đi vào nhà T. Tại nhà T, K gọi điện cho Lê Thành N nói “T có chuyện” và kêu N rủ Nguyễn Minh T2. Khi nghe K nói như vậy, N biết là sẽ cùng với T đi đánh nhau nên N đồng ý. Lúc này, Nguyễn Phạm Vĩnh A (Út) gọi điện cho Y, Y cũng nói “T có chuyện” và Vĩnh A cũng biết là đi đánh nhau với người khác, nên Vĩnh A điều khiển xe mô tô đi đến nhà T. Cùng lúc này, Nguyễn Hữu H1, Phan Thành V2, Nguyễn Văn Chí L2 (Chí Khanh) đang ở tại kho của Đoàn lân “Việt An Châu” thuộc khóm Long TM D, phường Long TM, thị xã TC, tỉnh An Giang thì H1 nhận được điện thoại của T nói, có người dọa cắt lỗ tai T và kêu H1 chở K, cùng hung khí đến nhà T. H1 đồng ý nên gọi điện nói cho Trương Huỳnh K (Long Gấu) biết sự việc trên, xong, H1 lấy 01 (một) cây dao tự chế đưa K cầm, rồi mượn xe mô tô của L2 chở K đi đến nhà của T.

Khi T2, Y, T1, D, H, Vĩnh A, N và Vĩ K1 đã tập trung tại nhà của T để chờ H1 và K (Long Gấu) đến, T gọi điện cho L để hẹn địa điểm đánh nhau, L nói đang ở nhà thuộc tổ 01, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh An Giang nên T hẹn sẽ lên gặp L. Một lúc sau, H1 và K đến nhà của T, rồi tất cả cùng đi đến nhà của L. Khi đi, D điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 67F6-1987 chở T1, đem theo 01 cây kiếm nhật; H điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 67U1-6326 chở T, đem theo 01 cây kiếm nhật; N điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 67B2-128.28 chở T2, đem theo 01 cây dao tự chế; H1 điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 59DB-004.03 chở K (Long Gấu), đem theo 01 cây dao tự chế; Vĩnh A (Út) điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 67H1-627.61 chở Y, đem theo 01 cây kiếm nhật; Vĩ K1 điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 67AH-035.25 đi 01 (một) mình. Ngoài ra, còn có Phan Thành V2, Nguyễn Văn Chí L2, Trần Quang V và Nguyễn Bảo N2, biết việc T và những người khác đi đánh nhau, nên cùng điều khiển xe mô tô chạy theo.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, nhóm của T gồm Huỳnh Phước T, Nguyễn Minh T2, Trương Huỳnh K, Trần Bảo D, Võ Văn T1, Phạm Văn Y, Nguyễn Hữu

H1, Nguyễn Vĩ K1, Lai Nhựt H, Lê Thành N, Nguyễn Phạm Vĩnh A, Trần Quang V, Nguyễn Bảo N2, Phan Thành V2 và Nguyễn Văn Chí L2 đi đến khu vực nhà của L, tất cả dừng xe ở lộ nông thôn theo hướng xã LA - xã Châu Phong, thị xã TC T gọi điện kêu L ra gặp. Lúc này, ông Võ Đức M (Tám Tàn, cha ruột của L) không cho L ra gặp nhóm của T, vì sợ xảy ra đánh nhau. Đồng thời, ông M đi ra đường nói chuyện với T và xin lỗi T. Trong khi ông M và T nói chuyện, Quang V, Nghĩa, Thành V2, Chí L2 điều khiển xe chạy đi. Thấy nhóm của T có nhiều người và đem theo nhiều dao, kiếm nên Võ Văn Nghĩa (Liêm) và Võ Văn M (M Em, em ruột của ông M), cầm theo cây gậy đi đến nơi ông M đang đứng nói chuyện với T, mục đích là bảo vệ ông M. Thấy Nghĩa và Văn M đem theo cây, nên nhóm của T xông đến đánh nhau với Nghĩa và Văn M. T, T1, Y lấy kiếm nhát đánh nhau với Nghĩa và Văn M, thấy vậy nên ông Đức M dùng tay đánh vào người của T2, T2 và Khang liền cầm dao tự chế, chém nhiều cái vào cánh tay trái, tay phải, vùng đầu, mặt bên trái và ngực trái của ông Đức M, làm ông Đức M bị thương. Ông Đức M liền chạy vào sân nhà lấy cây cào lúa chạy ra đánh nhau với T2 và K nhưng T2 và K bỏ chạy đến xe mô tô cho N và H1 chở đi. Riêng, Văn M trong lúc đánh nhau với T, T1, Y cây gậy bị gãy nên lấy 01 ống tuýp bằng kim loại tiếp tục đuổi đánh nhóm của T. Lúc này, Võ Văn Có (cháu của ông M) lấy 01 cây dao, L lấy 01 cây lạng bằng kim loại đi đến đuổi đánh nhóm của T nhưng không trúng ai, T, T1, Y chạy đến chỗ D, H, Vĩnh A đang dựng xe mô tô, rồi tất cả đi về nhà.

Trong lúc đánh nhau, N, D, H, Vĩnh A ngồi trên xe mô tô, đầu xe hướng xã Châu Phong; H1 ngồi trên xe mô tô đầu xe hướng xã LA; Vĩ K1 đứng xung quanh bên ngoài. Sau khi đánh nhau, T, T1, Y đem kiếm về nhà, Khang đem kiếm đến nhà bạn gửi. Riêng, T2 hỏi mượn xe của Vĩ K1 điều khiển chở bạn gái đi ăn và đem theo dao tự chế đã gây thương tích ông M, ném xuống kênh thuộc khóm Long An B, phường Long Phú, thị xã TC.

Riêng ông Đức M được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh thuộc thị xã TC để điều trị vết thương. Sau đó, ông Đức M được chuyển đến Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang tại thành phố Châu Đốc để tiếp tục điều trị vết thương. Đến ngày 09/9/2020, ông Đức M được chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình tại Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều trị.

Trong quá trình điều tra có thu giữ các vật chứng sau của bị cáo Lê Thành N: 01(một) xe mô tô, biển kiểm soát 67B2 - 128.28, nhãn hiệu Suzuki, màu trắng - đỏ cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, biển kiểm soát 67B2-128.28 mang tên Lê Thành N (đã qua sử dụng);

\* Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 331/20TgT ngày 04/11/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, kết luận:

- Ông Võ Đức M, sinh năm 1979. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả các thương tích gây nên hiện tại là: 46% (Bốn mươi sáu phần trăm);

- Kết luận khác: Thương tích do vật sắc gây nên.

\* Tại Bản Cáo trạng số 12/CT-VKSTC ngày 18/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo: Huỳnh Phước T, Nguyễn Minh T2, Trương Huỳnh Khang, Võ Văn T1, Phạm Văn Y, Trần Bảo D, Lai Nhựt H, Lê Thành N, Nguyễn Hữu H1, Nguyễn Phạm Vĩnh A, Nguyễn Vĩ K1, về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2021/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang, quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Huỳnh Phước T (T Lớn), Nguyễn Minh T2, Trương Huỳnh K (Long Gấu), Trần Bảo D, Võ Văn T1, Phạm Văn Y, Lai Nhựt H, Lê Thành N, Nguyễn Hữu H1, Nguyễn Phạm Vĩnh A, Nguyễn Vĩ K1 phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

1. Căn cứ: điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o Điều 52; khoản 1 Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Phước T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/9/2020.

2. Căn cứ: điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh T2 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2020.

Xử phạt: Bị cáo Trương Huỳnh K 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2020.

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn Y 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2020.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn T1 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/9/2020.

3. Căn cứ: điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Bảo D 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/9/2020.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu H1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2020. Xử phạt:

Xử phạt: Bị cáo Lê Thành N 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/11/2020.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Vĩ K1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/11/2020.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phạm Vĩnh A 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/11/2020.

4. Căn cứ: điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58; khoản 1, khoản 6 Điều 91; khoản 4 Điều 98; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lai Nhựt H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/11/2020.

5. Căn cứ: các điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 67B2 -128.28, nhãn hiệu Suzuki, màu trắng - đỏ cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, biển kiểm soát 67B2-128.28 tên Lê Thành N.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý các loại vật chứng khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/5/2021 bị cáo Lê Thành N kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin lại nhận lại một chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 67B2 -128.28, nhãn hiệu Suzuki, màu trắng - đỏ cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển kiểm soát 67B2-128.28 tên Lê Thành N.

Ngày 07/5/2021 ông Lê Minh Th kháng cáo yêu cầu xin nhận lại chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 67B2 -128.28, nhãn hiệu Suzuki, màu trắng - đỏ cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển kiểm soát 67B2-128.28 tên Lê Thành N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thành N xin rút lại yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo và ông Lê Minh Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 67B2-128.28, nhãn hiệu Suzuki, màu trắng - đỏ cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, biển kiểm soát 67B2-128.28 tên Lê Thành N, với cùng lý do: Chiếc xe này ông Th mua lại của ông Hồ Quốc S, cư trú: tổ 3, BĐ, phường BĐ, LX, An Giang vào ngày 19/7/2019 mua giấy viết tay, ông Th là người trực tiếp trả tiền được ông S xác nhận, bản thân bị cáo N vào thời điểm mua xe mới được 19 tuổi chưa có nghề nghiệp, thu nhập gì. Việc N đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe là khi đăng ký làm thủ tục sang tên thì ông Th bị mất giấy Chứng minh nhân dân, nên ông Th kêu N đứng tên làm thủ tục. Chiếc xe này làm phương tiện đi lại, sinh hoạt trong gia đình, bị cáo N sử dụng chở bạn bè đi gây thương tích cho người khác thì ông không hay biết.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất, mức độ, hành vi, vai trò phạm tội của các bị cáo; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thành N và ông Lê Minh Th có nội dung yêu cầu rõ ràng, gửi trong hạn luật định, nên đủ cơ sở chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại, các bị cáo khác, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tuyên phạt bị cáo Lê Thành N 03 năm tù là thỏa đáng có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo Lê Thành N tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm về yêu cầu này theo Điều 342; Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Về xử lý vật chứng: Bị cáo Lê Thành N sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 67B2-128.28 chở bị cáo Nguyễn Minh T2 đến khu vực nhà của L để đánh nhau, sau đó sử dụng xe quay về nhà, bị cáo không cố ý dùng xe mô tô này đâm, đụng hoặc vừa chạy vừa đánh, bắn giết nhau gây thương tích cho người khác, nên không thuộc trường hợp công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Hơn nữa, ông Th và bị cáo đều cho rằng xe mô tô biển kiểm soát 67B2-128.28 là do ông Th dùng tiền của gia đình mua của ông Hồ Quốc S vào năm 2019, do ông Th mất giấy chứng minh nhân dân mới để cho bị cáo N đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe, xe này là phương tiện sử dụng hàng ngày của gia đình, nên đây là tài sản chung hợp nhất của gia đình ông Th và có cơ sở trả lại xe mô tô này cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 342; Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thành N; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và ông Lê Minh Th; Sửa bản án sơ thẩm về vật chứng; Trả lại cho bị cáo một xe mô tô biển kiểm soát 67B2-128.28, nhãn hiệu Suzuki, màu trắng - đỏ cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển kiểm soát 67B2-128.28 tên Lê Thành N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Lê Thành N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh Th nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N khai nhận thực hiện hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án và ngược lại; phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; cùng các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án được thu thập có trong hồ sơ

vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Lê Thành N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. (3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: a)...c) Gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này).

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thành N và ông Lê Minh Th thì thấy:

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, hậu quả xảy ra và cố ý thực hiện. Nguyên nhân xuất phát mâu thuẫn từ bị cáo T với L, bị cáo không có mâu thuẫn gì với L và ông Đức M; lẽ ra, khi bị cáo được bị cáo T, bị cáo K rủ rê, lôi kéo đi đánh nhau thì bị cáo phải khuyên ngăn và biện pháp khác phù hợp thì hậu quả đáng tiếc sẽ không xảy ra, nhưng bị cáo chẳng những không làm được điều đó mà còn tích cực tham gia ủng hộ cùng nhau chuẩn bị hung khí và điều khiển xe mô tô chở bị cáo T2 mang theo dao tự chế là hung khí nguy hiểm sắc bén giúp sức cho các bị cáo T, T2, K gây thương tích cho ông Đức M với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 46%. Do đó, bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự với các bị cáo khác trong vụ án về hành vi đã thực hiện.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người khác; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện tính chất mức độ, hành vi, vai trò phạm tội của từng bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tuyên phạt bị cáo Lê Thành N 03 năm tù là phù hợp, thỏa đáng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, sự tự nguyện của bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này theo Điều 342; Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tại Bản án số 37/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang, đã xử lý vật chứng như sau: Căn cứ các điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Một xe mô tô biển kiểm soát 67B2-128.28, nhãn hiệu Suzuki, màu trắng - đỏ cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, biển kiểm soát 67B2-128.28 tên Lê Thành N.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, cấp phúc thẩm xác định bị cáo Lê Thành N sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 67B2-128.28 chở bị cáo Nguyễn Minh T2 đến khu vực nhà của L để đánh nhau, sau đó sử dụng xe quay về nhà, đây là phương tiện đi

lại, tham gia giao thông, bị cáo không cố ý dùng xe mô tô này đâm, đụng hoặc vừa chạy vừa đánh, bắn giết nhau gây thương tích cho người khác, nên không thuộc trường hợp công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Hơn nữa, tại phiên tòa ông Th và bị cáo đều cho rằng xe mô tô biển kiểm soát 67B2-128.28 là do ông Th dùng tiền của gia đình mua của ông Hồ Quốc S, cư trú: tổ 3, BD, phường BD, LX, An Giang vào ngày 19/7/2019, mua giấy viết tay, ông Th là người trực tiếp trả tiền được ông S xác nhận, bản thân bị cáo N vào thời điểm mua xe mới được 19 tuổi chưa có nghề nghiệp, thu nhập cá nhân gì để mua xe. Việc N đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe là khi đăng ký làm thủ tục sang tên thì ông Th bị mất giấy Chứng minh nhân dân, nên ông Th kêu N đứng tên làm thủ tục. Chiếc xe này làm phương tiện đi lại, sinh hoạt trong gia đình, bị cáo N sử dụng chở bạn bè để gây thương tích cho người khác thì ông không hay biết. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, để giải quyết đúng theo quy định của pháp luật và quyết định chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị cáo và ông Th cần giao trả lại xe mô tô biển kiểm soát 67B2-128.28 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển kiểm soát 67B2-128.28 cho Lê Thành N và Lê Minh Th tiếp tục quản lý sử dụng như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thành N và ông Lê Minh Th được cấp phúc thẩm chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Lê Minh Th được nhận lại số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002575 ngày 11/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh An Giang.

[5] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357; Điều 342; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thành N xin giảm nhẹ hình phạt.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thành N và ông Lê Minh Th.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần xử lý vật chứng.

Áp dụng: Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trả lại cho bị cáo Lê Thành N và ông Lê Minh Th một xe mô tô biển kiểm soát 67B2-128.28, nhãn hiệu Suzuki, màu trắng - đỏ cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển kiểm soát 67B2-128.28 tên Lê Thành N. (Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh An Giang)

Bị cáo Lê Thành N và ông Lê Minh Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Lê Minh Th được nhận lại số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002575 ngày 11/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh An Giang.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã TC;
- TAND thị xã TC;
- CQCSĐT thị xã TC;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Tòa Hình sự;
- PV 06-Công an tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Văn Chấn**